TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2018/DSST
Ngày 27/11/2018
V/V: Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Tiến Thịnh và bà Phạm Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2018/ TLST – HNGĐ ngày 09/8/2018 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXX – ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thi N - Sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã C, thành phố B, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T - Sinh năm 1975(vắng mặt).

HKTT: xã L, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N trình bày: Chị N kết hôn với anh T từ ngày 24/3/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có con chung nên anh Tâm thường bỏ đi sống ở nơi khác. Anh T thường xuyênvắng mặt không ở nhà nên vợ chồng ly thân khoảng 9 năm không quan tâm đến nhau. Hiện nay anh T đang tạm trú tại thôn H, xã P, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm không thể chung sống hạnh phúc nên chị N đề nghị ly hôn với anh T.

2. Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.

3 . Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh T trình bày: Anh T kết hôn với chị N từ ngày 24/3/2009 tại UBND xã C, thành phố B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra đánh cãi nhau. Ngày 12/8/2009 anh T bỏ nhà đi sống ở nơi khác. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được và hôn nhân không thể kéo dài nên anh T đồng ý thuận tình ly hôn với chị N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị N có văn bản thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là nơi có thẩm quyền giải quyết vụ án. Chị N và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 điều 39; điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N kết hôn với anh T từ ngày 24/3/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và không có con chung. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2009 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị N đề nghị ly hôn anh T có quan điểm đồng ý thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ly thân kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[3]Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T đều khai không có tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí biên lai số 0007165 ngày 09/8/2018 nghĩa vụ án phí đã xong.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Thái Bình
- Đương sự.
- UBND xã V.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh